

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 360/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-12-2020
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bồng là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 704/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Thanh D, sinh năm 1989; cư trú tại ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (có đơn vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Mỹ D1, sinh năm 1988; cư trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Võ Thanh D trình bày: Anh và chị Lê Mỹ D1 tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, lối sống, thường xuyên cự cãi, không hòa hợp nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và tự sống riêng với nhau, do điều kiện không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị D1.

Về con chung của anh và chị D1 có một người tên Võ Hải D2, sinh ngày 13/6/2012 đang ở với chị D1, sau khi ly hôn anh thống nhất để con cho chị D1 nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị vắng mặt của chị Lê Mỹ D1 trình bày: Chị và anh Võ Thanh D tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là bất đồng quan điểm, lối sống, sinh hoạt dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc nên tự sống riêng với nhau, phía anh D yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung của chị và anh D có một người như anh D trình bày, sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con vì con có nguyện vọng ở với chị và thống nhất theo ý kiến anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Võ Hải D2 là con chung của chị D1 và anh D có nguyện vọng ở cùng chị D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của anh Võ Thanh D được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Võ Thanh D và chị Lê Mỹ D1 có đơn vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D và chị D1.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị D1 được xác lập vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình anh D và chị D1 chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, bản thân chị D1 và anh D đều

xác định không thể hàn gắn được và thống nhất ly hôn với nhau. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh D được ly hôn với chị D1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh D và chị D1 có một người con chung tên Võ Hải D2, sinh ngày 13/6/2012 đang ở với chị D1, sau khi ly hôn anh D thống nhất để chị D1 nuôi theo nguyện vọng của con, như vậy các đương sự đã thỏa thuận việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con cho chị D1 nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng Võ Hải D2 là con chung của anh D và chị D1 nên anh D và chị D1 phải cùng có trách nhiệm, anh D không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh D đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi và được chị D1 thống nhất nên cần chấp nhận theo ý kiến của các đương sự và buộc anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi. Anh D phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu về phân tài sản nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh Võ Thanh D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí anh D đã nộp được khấu trừ, phần còn thiếu anh D phải tiếp tục nộp.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Võ Thanh D ly hôn với chị Lê Mỹ D1.

Về con chung: Chị Lê Mỹ D1 nuôi con tên Võ Hải D2, sinh ngày 13/6/2012 đang ở với chị D1. Anh Võ Thanh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Võ Hải D2 mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ chị Lê Mỹ D1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Võ Thanh D chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng anh D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị D1.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chị D1 có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (ly hôn) anh Võ Thanh D phải chịu 300.000 đồng, anh D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004113 ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Anh Võ Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (cấp dưỡng) 300.000 đồng.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải